UBND TỈNH THANH HÓA **TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP THANH HÓA** Số: 713 /QĐ-CĐNN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Thanh Hoá, ngày 25 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, thợ máy tàu cá

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP THANH HÓA

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ Trường Cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 1030/QĐ-BLĐTBXH ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Nghề Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa vào Trường Cao đẳng Nông Lâm Thanh Hóa và đổi tên thành Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa;

Căn cứ Thông tư số 22/2018/TT - BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về thuyền viên tàu cá, tàu công vụ thủy sản; Thông tư số 01/2022/TT- BNNPTNT, ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản trị, đào tạo và quản lý HSSV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này ***"Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, thợ máy tàu cá".***

Điều 2. Quy chế này là căn cứ để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng các lớp thuyền trưởng, máy trưởng, thợ máy tàu cá của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 518/QĐ-CĐNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa.

Trưởng các phòng, khoa, tổ bộ môn trực thuộc trường; các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu VT; QT,ĐT&QLHSSV.

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP THANH HOÁ

Lê Hoàng Bá Huyền

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ
Đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, thợ máy tàu cá

(Ban hành kèm theo Quyết định số 713 /QĐ-CĐNN, ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, thợ máy tàu cá của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa.

2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả các đơn vị, cá nhân trong và ngoài trường có liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ thuyền viên tàu cá của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa.

Điều 2. Các loại chứng chỉ thuyền viên tàu cá

1. Các chứng chỉ Thuyền trưởng tàu cá hạng I, hạng II và hạng III;
2. Các chứng chỉ Máy trưởng tàu cá hạng I, hạng II và hạng III;
3. Chứng chỉ Thợ máy tàu cá.

Điều 3. Mẫu chứng chỉ thuyền viên tàu cá

Mẫu các loại chứng chỉ tàu cá được quy định tại phụ lục của Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản (Sau đây gọi chung là Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022).

Điều 4. Nguyên tắc cấp chứng chỉ

1. Chứng chỉ thuyền viên tàu cá được cấp cho người đã hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng và được công nhận tốt nghiệp theo quy định tại Quy chế này và không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Bản chính chứng chỉ thuyền viên tàu cá cấp một lần. Trường hợp chứng chỉ thuyền viên tàu cá bị mất, hư hỏng, sai thông tin trên chứng chỉ hoặc người đã có chứng chỉ theo mẫu cũ có nhu cầu cấp lại thì được nhà trường xem xét cấp lại chứng chỉ theo mẫu quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản (Bổ sung khoản 4 vào Điều 45 vào Thông tư số 22/2018/TT-BNNPTNNT ngày 15/11/2018). Số của chứng chỉ cấp lại phải ghi thêm ký hiệu CL vào sau số hiệu của chứng chỉ (theo cấu trúc: Số hiệu……/CCTVTC/CL)."

Chương 2
TỔ CHỨC LỚP ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 5. Các lớp đào tạo, bồi dưỡng

Các lớp đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ thuyền viên tàu cá gồm:

1. Các lớp thuyền trưởng tàu cá hạng I, hạng II và hạng III;
2. Các lớp máy trưởng tàu cá hạng I, hạng II và hạng III;
3. Lớp nghiệp vụ thợ máy tàu cá.

Điều 6. Tiêu chuẩn của học viên

Tiêu chuẩn học viên tham gia chương trình đào tạo, bồi dưỡng, thi, cấp chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, thợ máy tàu cá:

a) Tiêu chuẩn chung: Là công dân Việt Nam; có lý lịch rõ ràng, đủ 18 tuổi trở lên; có trình độ học vấn và sức khoẻ phù hợp phù hợp (trình độ học vấn từ hoàn thành chương trình xóa mù chữ trở lên: có bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền; giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật); có hồ sơ hợp lệ; đóng học phí theo quy định.

b) Học viên tham gia học đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, thợ máy tàu cá ở hạng nào phải hoàn thành nội dung, chương trình của hạng đó quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo quy chế này.

Điều 7. Hồ sơ đăng ký tham gia các lớp học

1. Khi đăng ký tham gia các lớp học người học phải nộp 01 bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau:

- Đơn xin học: Theo mẫu quy định tại phụ lục 04.
- Sơ yếu lý lịch: Theo mẫu quy định tại phụ lục 05.
- Các giấy tờ minh chứng về trình độ học vấn (bản sao công chứng bằng tốt nghiệp hoặc giấy xác nhận, chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền).
- Giấy chứng nhận sức khỏe (có giá trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký) đáp ứng các tiêu chuẩn quy định đối với thuyền viên do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp.
- Căn cước công dân hoặc chứng minh thư nhân dân (Bản phô tô).
- 02 ảnh màu cỡ 3x4 cm chụp theo kiểu căn cước công dân.

Hồ sơ đăng ký tham gia các lớp học của học viên được quản lý, lưu trữ tại phòng Quản trị, Đào tạo và Quản lý học sinh, sinh viên.

2. Người học được tổ chức, sắp xếp theo các lớp đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, thợ máy tàu cá được quy định tại Điều 5 quy chế này, phù hợp với điều kiện thực tế và từng hình thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng do Hiệu trưởng quyết định.

3. Sau khi nhập học, người học sẽ được nhà trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của chương trình đào tạo, bồi dưỡng, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của người học.

Điều 8. Chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng

1. Nội dung, chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng thuyền trưởng, máy trưởng, thợ máy tàu cá:

a) Đối với trường hợp học viên tham gia học lần đầu thì phải tham gia học đủ nội dung, số tiết học theo khung chương trình quy định tại Mục A Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy chế này;

b) Đối với trường hợp học viên tham gia học nâng hạng phải tham gia học các nội dung, số tiết học nâng hạng theo khung chương trình tại Mục B Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Trên cơ sở chương trình khung quy định tại khoản 1 Điều này, nhà trường xây dựng chương trình chi tiết, giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng phù hợp cho các nghề, các hạng.

Điều 9. Một số quy định trong công tác đào tạo, bồi dưỡng

1. Trình tự, thủ tục mở lớp, công tác đào tạo, bồi dưỡng và quản lý lớp học:

- Hiệu trưởng thành lập Ban tuyển sinh các lớp thuyền trưởng, máy trưởng và thợ máy tàu cá: thực hiện công tác tuyển sinh và xem xét điều kiện tham gia học tập của học viên;

- Hiệu trưởng xem xét, quyết định mở lớp, triển khai xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo quy chế, quy định, phù hợp với điều kiện tổ chức lớp học;

- Hiệu trưởng thành lập Ban quản lý lớp học thực hiện quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng. Trong đó có 01 cán bộ phụ trách lớp trực tiếp quản lý các lớp tại địa điểm tổ chức đào tạo, bồi dưỡng;

- Hiệu trưởng thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp: Giúp Hiệu trưởng tổ chức thi tốt nghiệp cho học viên các lớp học theo quy chế đào tạo, bồi dưỡng.

2. Tiết giảng được tính theo tiết chuẩn; 1 tiết chuẩn lý thuyết là 45 phút, 1 tiết chuẩn thực hành là 60 phút; một ngày không giảng quá 8 tiết chuẩn.

3. Hiệu trưởng nhà trường căn cứ quy định tại Quy chế này và của pháp luật liên quan xây dựng ban hành nội quy học tập, nội quy thi.

4. Địa điểm đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện tại trụ sở chính, cơ sở đào tạo của trường hoặc các địa điểm liên kết đào tạo tại địa phương theo quy định của điều lệ trường cao đẳng và luật Giáo dục nghề nghiệp.

Chương 3
THI TỐT NGHIỆP VÀ CẤP CHỨNG CHỈ

Điều 10. Điều kiện dự thi tốt nghiệp

1. Học viên được dự thi tốt nghiệp khi tham dự ít nhất 80% thời gian học quy định. Học viên tham dự dưới 80% thời gian học có lý do chính đáng thì được bố trí học bổ sung nội dung còn thiếu để được dự thi.

2. Không vi phạm Quy chế bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Đầy đủ thủ tục hồ sơ và nộp học phí đầy đủ theo quy định.

4. Ngay sau khi kết thúc thời gian giảng dạy, giảng viên, giáo viên nộp báo cáo kết thúc khóa học (báo cáo về tình hình thực hiện giảng dạy và tham gia học tập của học viên) về phòng Thanh tra và Kiểm định chất lượng đào tạo, trong đó có danh sách đề nghị học viên đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do.

Điều 11. Các môn thi, hình thức thi, thời gian thi

1. Môn thi Lý thuyết nghề:

a. Nội dung thi: Kiến thức tổng hợp của các môn học và thực tiễn sản xuất liên quan.

b. Hình thức thi: Thi viết, hoặc thi hỏi đáp, hoặc thi trắc nghiệm do Hội đồng thi quyết định.

c. Thời gian thi: Thi viết: 120 phút; thi hỏi đáp: thí sinh chuẩn bị không quá 45 phút, thời gian hỏi đáp không quá 30 phút; thời gian thi trắc nghiệm không quá 60 phút.

2. Môn thi Thực hành nghề: Nội dung thi gồm các kỹ năng cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ và xử lý các tình huống thường gặp trong thực tiễn sản xuất. Nội dung, thời gian và cách thức thi do Hội đồng thi quyết định.

Điều 12. Hội đồng thi tốt nghiệp và các ban giúp việc Hội đồng thi

1. Thành phần của Hội đồng thi tốt nghiệp:

Hội đồng thi tốt nghiệp do Hiệu trưởng Quyết định thành lập, có ít nhất 05 thành viên, gồm:

a. Chủ tịch Hội đồng, là Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng phụ trách;

b. Phó Chủ tịch Hội đồng, là Phó hiệu trưởng hoặc trưởng phòng Quản trị, đào tạo và Quản lý học sinh, sinh viên hoặc Trưởng phòng Thanh tra và Kiểm định chất lượng đào tạo;

c. Thư ký hội đồng và các ủy viên là cán bộ, giáo viên, giảng viên của trường, đại diện doanh nghiệp có cùng chuyên môn hoặc có chuyên môn gần với nghề tổ chức thi.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thi

a. Chỉ đạo và trực tiếp tổ chức thi;

b. Duyệt, quyết định các học viên đủ điều kiện dự thi;

c. Quyết định thành lập các ban giúp việc Hội đồng thi; bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên các ban giúp việc Hội đồng thi.

d. Quyết định hình thức kỷ luật đối với cán bộ, thí sinh vi phạm nội quy thi;

e. Duyệt kết quả thi và đề nghị Hiệu trưởng ra Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp chứng chỉ theo quy định;

Hội đồng thi tổ chức họp khi có ít nhất 2/3 số lượng thành viên Hội đồng tham gia, Hội đồng thi thảo luận dân chủ và quyết định theo nguyên tắc đa số tính trên tổng số thành viên Hội đồng. Trường hợp số ý kiến trái chiều ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về bên có ý kiến Chủ tịch Hội đồng thi.

Cán bộ phụ trách lớp, Trưởng các ban giúp việc Hội đồng thi được mời dự các cuộc họp của Hội đồng thi, được phát biểu ý kiến nhưng không tham gia bỏ phiếu (hoặc biểu quyết).

3. Các ban giúp việc Hội đồng thi gồm: Ban thư ký, Ban ra đề thi, Ban coi thi, Ban chấm thi. Nhiệm vụ của các Ban do Chủ tịch hội đồng thi quy định.

Điều 13. Ra đề thi, coi thi, chấm thi

1. Đề thi phải phù hợp với chương trình đào tạo và đề cương ôn thi, mỗi môn thi phải có một bộ đề thi chính và ít nhất một bộ đề thi dự phòng tương đương về nội dung kiến thức và có cùng thời gian làm bài thi đối với môn thi Lý thuyết nghề;

2. Đề thi theo hình thức trực tiếp hỏi đáp phải đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu về nội dung và thời lượng thi;

3. Điểm đáp án của đề thi theo hình thức thi viết, thực hành được chia nhỏ theo nội dung không quá 0,25 điểm theo thang điểm 10; trong đó, nếu điểm toàn bài thi có điểm lẻ là 0,25 thì quy tròn thành 0,5; có điểm lẻ là 0,75 thì quy tròn thành 1,0.

Điều 14. Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp

1. Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp được tính theo công thức:

$$Đ_{TBTN} = \frac{(Đ_{LT} + Đ_{TH})}{2}$$

Trong đó: - $Đ_{TBTN}$: Điểm trung bình tốt nghiệp;
- $Đ_{LT}$: Điểm thi tốt nghiệp lý thuyết nghề;
- $Đ_{TH}$: Điểm thi tốt nghiệp thực hành nghề.

2. Xếp loại tốt nghiệp của người học được căn cứ vào điểm xếp loại tốt nghiệp và được tính theo thang điểm 10 như sau:

- Điểm TBTN từ 9,0 đến 10 điểm: Xếp loại tốt nghiệp "Xuất sắc"
- Điểm TBTN từ 8,0 đến 8,9 điểm: Xếp loại tốt nghiệp "Giỏi"
- Điểm TBTN từ 7,0 đến 7,9 điểm: Xếp loại tốt nghiệp "Khá"
- Điểm TBTN từ 6,0 đến 6,9 điểm: Xếp loại tốt nghiệp "Trung bình khá"
- Điểm TBTN từ 5,0 đến 5,9 điểm: Xếp loại tốt nghiệp "Trung bình"
- Điểm TBTN nhỏ hơn 5,0 điểm: Không đủ điều kiện được tốt nghiệp.

Điều 15. Công nhận tốt nghiệp và cấp chứng chỉ

1. Thí sinh đạt điểm các môn thi từ điểm 5,0 trở lên, không vi phạm Quy chế bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên thì được xem xét công nhận tốt nghiệp và cấp chứng chỉ.

2. Hiệu trưởng nhà trường ký Quyết định công nhận tốt nghiệp và ký chứng chỉ cấp cho học viên theo đề nghị của Hội đồng thi. Nhà trường cấp chứng chỉ cho học viên chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định công nhận tốt nghiệp.

3. Nhà trường có trách nhiệm lập hồ sơ quản lý việc cấp chứng chỉ tàu cá theo mẫu quy định và theo quy trình cấp phát văn bằng, chứng chỉ đã được phê duyệt của nhà trường.

4. Học viên có điểm môn thi tốt nghiệp dưới 5,0 được phép thi lại 01 lần. Học viên không tham dự thi tốt nghiệp vì lý do chính đáng và bất khả kháng (có đơn xin hoãn thi và có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền) thì được phép thi lại 02 lần. Học viên bỏ thi không có lý do chính đáng thì vẫn tính lần thi đó, nhận điểm 0,0 (không điểm) và chỉ được phép thi lại 01 lần. Học viên làm đơn đăng ký thi lại (có xác nhận của địa phương nơi cư trú), nộp về phòng Thanh tra và Kiểm định chất lượng đào tạo trong thời gian tối đa 01 năm tính từ ngày khai giảng lớp học và nộp lệ phí thi là 200.000 đ/lần thi (Hai trăm nghìn đồng chẵn) về phòng Kế hoạch - Tài chính (áp dụng đối với trường hợp học viên thi ghép với các lớp khác. Đối với các lớp có số lượng học viên thi lại nhiều, nhà trường xem xét tổ chức thi riêng và thu lệ phí thi theo dự toán, trên cơ sở lấy thu bù chi).

Điều 16. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng (được gọi là học phí) và mức chi cho việc đào tạo, bồi dưỡng, thi tốt nghiệp, cấp chứng chỉ được thu, chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm của nhà trường.

2. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được thu từ đóng góp của học viên hoặc từ hỗ trợ của các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác (nếu có).

3. Việc thu, chi kinh phí phải đảm bảo công khai và tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành.

Chương 4
IN PHÔI VÀ CẤP/ĐỔI LẠI CHỨNG CHỈ TỪ SỔ GỐC

Điều 17. In phôi chứng chỉ thuyền viên tàu cá

Thực hiện in phôi chứng chỉ theo mẫu quy định tại phụ lục số 02 của Quy chế này (Theo hướng dẫn của Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản).

Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp và cấp/đổi lại chứng chỉ từ sổ gốc

Chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá đã được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2019 (Thông tư 22/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về thuyền viên tàu cá, tàu công vụ thủy sản có hiệu lực từ ngày 01/01/2019) được tiếp tục sử dụng và quy định chuyển tiếp như sau:

1. Chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng nhỏ tương đương với chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng cá III.

2. Chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng hạng năm tương đương chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng II.

3. Chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng tư tương đương chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng I.

4. Trường hợp chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá bị mất, hư hỏng, sai thông tin trên chứng chỉ hoặc người đã có chứng chỉ theo mẫu cũ có nhu cầu cấp lại thì được nhà trường xem xét cấp lại chứng chỉ theo mẫu quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

Số của chứng chỉ cấp lại phải ghi thêm ký hiệu CL vào sau số hiệu của chứng chỉ (theo cấu trúc: Số hiệu …… /CCTVTC/CL).

5. Thủ tục cấp/đổi lại chứng chỉ từ sổ gốc

a. Học viên có nhu cầu cấp/đổi chứng chỉ từ sổ gốc phải có đơn đề nghị hợp lệ và trả lệ phí cấp lại là 200.000 đồng/chứng chỉ.

b. Học viên đề nghị cấp lại chứng chỉ khi bản chính bị mất, hỏng phải có đủ các thủ tục sau:

- Đơn đề nghị của học viên đổi chứng chỉ; kèm theo Chứng chỉ bị hư, hỏng hoặc in sai thông tin (gửi kèm theo); Hoặc Đơn xin cấp lại do làm mất chứng chỉ (Có xác nhận của cơ quan có chức năng: Công an/Chính quyền cấp xã/phường trở lên).
- 02 ảnh cỡ 3x4 cm chụp theo kiểu ảnh căn cước công dân;
- Xuất trình giấy CCCD/CMTND khi làm thủ tục cấp bản sao, nộp lại 01 bản phô tô CCCD/CMTND.
- Trả lệ phí theo quy định của nhà trường.

Sau 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được đủ hồ sơ kiểm tra hợp lệ theo quy định, nhà trường có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ đào tạo, sổ gốc cấp chứng chỉ và cấp lại/đổi chứng chỉ cho học viên.

3. Nhà trường có trách nhiệm lập hồ sơ quản lý việc cấp lại/đổi chứng chỉ từ sổ gốc theo mẫu quy định;

Chương 5
TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Điều 19. Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường

1. Chủ trì, phối hợp với các địa phương, các đơn vị liên quan tổ chức tuyển sinh, mở lớp, đào tạo, bồi dưỡng, thi, cấp chứng chỉ và cấp/đổi lại chứng chỉ từ sổ gốc cho học viên theo quy định.

2. Tổ chức in phôi chứng chỉ theo quy định.

3. Lập và lưu giữ lâu dài sổ quản lý in phôi chứng chỉ, sổ quản lý cấp chứng chỉ, sổ quản lý cấp lại/đổi chứng chỉ từ sổ gốc theo quy định.

4. Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng chi tiết, chương trình mô đun/môn học, tài liệu giảng dạy trên cơ sở chương trình khung do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

5. Chịu sự kiểm tra, hướng dẫn về nghiệp vụ đào tạo, bồi dưỡng thuyền trưởng, máy trưởng, thợ máy tàu cá của Tổng cục Thủy sản và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

6. Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng thuyền trưởng, máy trưởng, thợ máy tàu cá về Tổng cục Thủy sản và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố có đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá định kỳ 06 tháng trước ngày 20 tháng 6 và báo cáo hằng năm trước ngày 20 tháng 12 theo mẫu đề cương báo cáo tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Quy chế này (Theo hướng dẫn của Thông tư số 01/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022).

7. Tập hợp các kiến nghị, đề xuất báo cáo Tổng cục Thủy sản và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố có đào tạo, bồi dưỡng thuyền trưởng, máy trưởng, thợ máy tàu cá đề nghị sửa đổi, bổ sung Quy chế phù hợp với pháp luật và tình hình thực tế.

Điều 20. Trách nhiệm của học viên

1. Tích cực học tập để nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc và được đào tạo, bồi dưỡng, thi cấp chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, thợ máy tàu cá;

2. Đóng góp ý kiến với nhà trường và các cơ quan quản lý về việc thực hiện Quy chế để có biện pháp xử lý kịp thời.

3. Thực hiện theo Quy chế đào tạo, bồi dưỡng thuyền trưởng, máy trưởng, thợ máy tàu cá và nội quy thi của nhà trường.

Chương 6
XỬ LÝ VI PHẠM VÀ CÁC ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Xử lý vi phạm

Mọi hành vi vi phạm Quy chế, tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính, bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và các phòng, khoa chức năng có liên quan, trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hiệu trưởng quyết định./.

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP THANH HOÁ

Lê Hoàng Bá Huyền

PHỤ LỤC 01

NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG, THỢ MÁY TÀU CÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 713 /QĐ-CĐNN, ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa)

TT	Môn học	Nội dung chính	Thời gian (tiết)		
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành
A	**CHƯƠNG TRÌNH HỌC LẦN ĐẦU**				
I	**Thuyền trưởng tàu cá hạng III**		**48**	**28**	**20**
1	Nghiệp vụ thuyền trưởng tàu cá	- Nghiệp vụ thuyền trưởng - Chức trách thuyền viên	8	8	0
2	Luật và các quy định liên quan	- Quy tắc phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển (COLREG 72) - Bộ luật Hàng hải - Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành luật liên quan	12	12	0
3	Nghiệp vụ hàng hải	- Điều động tàu - Trang thiết bị hàng hải, thông tin liên lạc - An toàn hàng hải, an toàn tàu cá	16	4	12
4	Nghiệp vụ khai thác thủy sản	- Nghề, ngư cụ, thiết bị và công nghệ khai thác thủy sản - Ngư trường, nguồn lợi thủy sản	12	4	8
II	**Thuyền trưởng tàu cá hạng II**		**90**	**58**	**32**
1	Nghiệp vụ thuyền trưởng tàu cá	- Nghiệp vụ thuyền trưởng - Chức trách thuyền viên	16	16	0
2	Luật và các quy định liên quan	- Công ước của Liên hiệp quốc về Luật Biển 1982; - Quy tắc phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển (COLREG 72) - Các Hiệp định, thỏa thuận về Hợp tác khai thác thủy sản, phân định vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa giữa Việt Nam với các nước trong khu vực; - Luật Biển Việt Nam;	20	20	0

TT	Môn học	Nội dung chính	Thời gian (tiết)		
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành
		- Bộ luật Hàng hải - Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành luật liên quan			
3	Nghiệp vụ hàng hải	- Điều động tàu - Trang thiết bị hàng hải, thông tin liên lạc - Hệ thống và thiết bị giám sát tàu cá - Tác nghiệp hải đồ - Hàng hải địa văn, khí tượng hải dương - An toàn hàng hải, an toàn tàu cá	34	14	20
4	Nghiệp vụ khai thác thủy sản	- Ngư trường, nguồn lợi thủy sản - Nghề, ngư cụ, thiết bị và công nghệ khai thác thủy sản - Kỹ thuật và thiết bị bảo quản sản phẩm thủy sản trên tàu cá	20	8	12
III	**Thuyền trưởng tàu cá hạng I**		**150**	**86**	**64**
1	Nghiệp vụ thuyền trưởng tàu cá	- Nghiệp vụ thuyền trưởng - Chức trách thuyền viên	20	20	0
2	Luật và các quy định liên quan	- Công ước của Liên hiệp quốc về Luật Biển 1982; - Quy tắc phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển (COLREG 72) - Các Hiệp định, thỏa thuận về Hợp tác khai thác thủy sản, phân định vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa giữa Việt Nam với các nước trong khu vực; - Điều ước quốc tế về biển và thủy sản mà Việt Nam tham gia. - Công ước quốc tế 1973 về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định thư 1978 (Công ước MARPOL 73/78)	32	24	8

TT	Môn học	Nội dung chính	Thời gian (tiết)		
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành
		- Hiệp định biện pháp quốc gia có cảng - Luật Biển Việt Nam; - Bộ luật Hàng hải; - Luật Thủy sản 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành			
3	Nghiệp vụ hàng hải	- Điều động tàu - Trang thiết bị hàng hải, thông tin liên lạc - Hệ thống và thiết bị giám sát tàu cá - Tác nghiệp hải đồ - Hàng hải địa văn, khí tượng hải dương - An toàn hàng hải, an toàn tàu cá	66	30	36
4	Nghiệp vụ khai thác thủy sản	- Nghề, ngư cụ, thiết bị và công nghệ khai thác thủy sản - Kỹ thuật và thiết bị bảo quản sản phẩm thủy sản trên tàu cá	32	12	20
IV	**Máy trưởng tàu cá hạng III**		**48**	**28**	**20**
1	Nghiệp vụ máy trưởng	- Nghiệp vụ máy trưởng - Chức trách thuyền viên	8	4	4
2	Luật và các quy định liên quan	- Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành luật liên quan - An toàn tàu cá	16	12	4
3	Nghiệp vụ máy tàu	- Máy chính - Hệ thống truyền lực - An toàn vận hành máy tàu cá - Quy trình vận hành máy tàu cá	24	12	12
V	**Máy trưởng tàu cá hạng II**		**90**	**58**	**32**
1	Nghiệp vụ máy trưởng tàu cá	- Nghiệp vụ máy trưởng - Chức trách thuyền viên	16	16	0
2	Luật và các quy định liên quan	- Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành luật liên quan	12	12	0

TT	Môn học	Nội dung chính	Thời gian (tiết)		
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành
3	Nghiệp vụ máy tàu	- Máy chính - Máy phụ, hệ thống truyền lực - Các thiết bị phục vụ khai thác chủ yếu - An toàn vận hành máy tàu cá - Quy trình vận hành máy tàu cá	38	18	20
4	Điện, điện lạnh	- Hệ thống điện tàu - Hệ thống đèn tàu cá - Hệ thống điện lạnh	24	12	12
VI	**Máy trưởng tàu cá hạng I**		**150**	**80**	**70**
1	Nghiệp vụ máy trưởng tàu cá	- Nghiệp vụ máy trưởng - Chức trách thuyền viên	16	16	0
2	Luật và các quy định liên quan	- Công ước của Liên hiệp quốc về Luật Biển 1982; - Quy tắc phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển (COLREG 72) - Công ước quốc tế 1973 về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định thư 1978 (Công ước MARPOL 73/78) - Luật Biển Việt Nam; - Luật Thủy sản 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành. - An toàn tàu cá	24	20	4
3	Nghiệp vụ máy tàu	- Máy chính - Máy phụ, hệ thống truyền lực, các hệ thống phục vụ, đảm bảo an toàn tàu cá - Các thiết bị phục vụ khai thác - Vận hành máy	70	28	42
4	Điện, điện lạnh	- Hệ thống điện tàu - Hệ thống đèn tàu cá - Hệ thống điện lạnh	40	16	24

TT	Môn học	Nội dung chính	Thời gian (tiết)		
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành
VII	**Thợ máy tàu cá**		**24**	**16**	**8**
1	Quy định chung	- Chức trách thuyền viên tàu cá - Nghiệp vụ thợ máy	8	8	0
2	Nghiệp vụ vận hành máy tàu cá	- Máy chính, máy phụ, hệ truyền lực - Quy trình vận hành máy tàu	8	4	4
3	Quy định về an toàn	- An toàn lao động trên tàu - An toàn vận hành máy tàu	8	4	4
B	**CHƯƠNG TRÌNH HỌC NÂNG HẠNG**				
I	**Thuyền trưởng tàu cá hạng III lên hạng II**		**42**	**26**	**16**
1	Nghiệp vụ thuyền trưởng tàu cá	- Nghiệp vụ thuyền trưởng	4	4	0
2	Luật và các quy định liên quan	- Công ước của Liên hiệp quốc về Luật Biển 1982 - Quy tắc phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển (COLREG 72) - Các Hiệp định, thỏa thuận về Hợp tác khai thác thủy sản, phân định vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa giữa Việt Nam với các nước trong khu vực	16	8	8
3	Nghiệp vụ hàng hải	- Điều động tàu - Trang thiết bị hàng hải, thông tin liên lạc - Hệ thống và thiết bị giám sát tàu cá	18	10	8
4	Nghiệp vụ khai thác thủy sản	- Ngư cụ, thiết bị và công nghệ khai thác thủy sản	4	4	0
II	**Thuyền trưởng tàu cá hạng II lên hạng I**		**60**	**32**	**28**
1	Nghiệp vụ thuyền trưởng tàu cá	- Nghiệp vụ thuyền trưởng	4	4	0

TT	Môn học	Nội dung chính	Thời gian (tiết)		
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành
2	Luật và các quy định liên quan	- Điều ước quốc tế về biển và thủy sản mà Việt Nam tham gia. - Công ước quốc tế 1973 về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định thư 1978 (Công ước MARPOL 73/78) - Hiệp định biện pháp quốc gia có cảng - Luật Thủy sản 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành - Bộ luật Hàng hải	8	8	0
3	Nghiệp vụ hàng hải	- Điều động tàu - Trang thiết bị hàng hải, thông tin liên lạc - Hệ thống và thiết bị giám sát tàu cá	36	16	20
4	Nghiệp vụ khai thác thủy sản	- Nghề, ngư cụ, thiết bị và công nghệ khai thác thủy sản - Kỹ thuật và thiết bị bảo quản sản phẩm thủy sản trên tàu cá	12	4	8
III	**Máy trưởng tàu cá hạng III lên hạng II**		**42**	**20**	**22**
1	Nghiệp vụ máy trưởng tàu cá	- Nghiệp vụ máy trưởng	8	8	0
2	Luật và các quy định liên quan	- Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành luật liên quan - An toàn tàu cá	12	4	8
3	Nghiệp vụ máy tàu	- Máy chính - Máy phụ, hệ thống truyền lực - Các thiết bị phục vụ khai thác chủ yếu	14	4	10
4	Điện, điện lạnh	- Hệ thống điện tàu - Hệ thống đèn tàu cá - Hệ thống điện lạnh	8	4	4

TT	Môn học	Nội dung chính	Thời gian (tiết)		
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành
IV	**Máy trưởng tàu cá hạng II lên hạng I**		**60**	**36**	**24**
1	Nghiệp vụ máy trưởng tàu cá	- Nghiệp vụ máy trưởng	8	8	0
2	Luật và các quy định liên quan	- Công ước của Liên hiệp quốc về Luật Biển 1982; - Quy tắc phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển (COLREG 72) - Công ước quốc tế 1973 về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định thư 1978 (Công ước MARPOL 73/78) - Luật Biển Việt Nam; - Luật Thủy sản 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành. - An toàn tàu cá	16	12	4
3	Nghiệp vụ máy tàu	- Máy chính - Máy phụ, hệ thống truyền lực, các hệ thống phục vụ, đảm bảo an toàn tàu cá - Các thiết bị phục vụ khai thác - Vận hành máy	28	12	16
4	Điện, điện lạnh	- Hệ thống điện tàu - Hệ thống đèn tàu cá - Hệ thống điện lạnh	8	4	4

PHỤ LỤC 02

MẪU PHÔI VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG, THỢ MÁY TÀU CÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 713 /QĐ-CĐNN, ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa)

1. Mẫu chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá

- Mẫu chứng chỉ mặt trước:

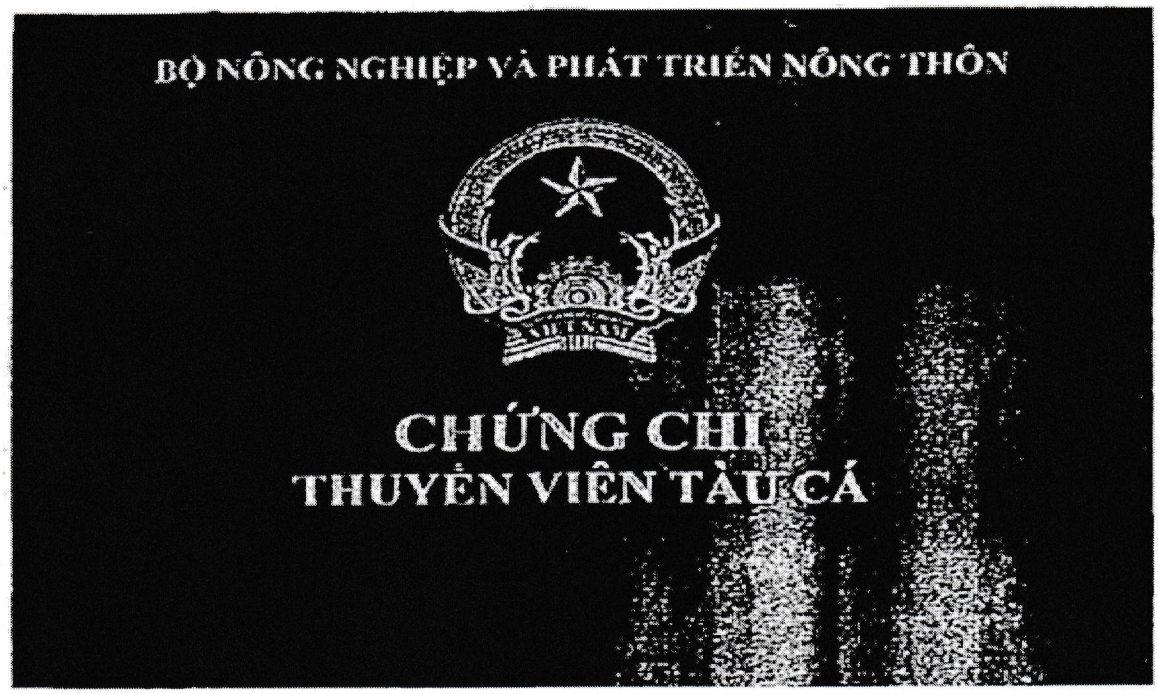

- Mẫu chứng chỉ mặt sau:

Ảnh
3x4 cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
THUYỀN TRƯỞNG TÀU CÁ
Hạng .....

Cấp cho: ..... Sinh ngày: .....
Nơi sinh: ..... Số CMND/Thẻ căn cước .....
Đã hoàn thành khóa học từ ngày: .....tháng ....năm ..... đến ngày ... tháng ...năm.....
Hội đồng kiểm tra: .....
Xếp loại: .....

....., Ngày ....tháng....năm....
HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

Số hiệu: ...../CCTVTC;
Số vào sổ cấp chứng chỉ: .....

Chú ý:
1. Không cho mượn.
2. Không tẩy xóa.
3. Xuất trình chứng chỉ khi người thi hành công vụ yêu cầu.
4. Mất chứng chỉ phải trình báo các cơ quan có liên quan.

Lưu ý:

1. Chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá có kích thước 15cm x 20 cm làm bằng bìa cứng.

2. Mặt trước có nền màu đỏ, có hình Quốc huy, trên hình Quốc huy có dòng chữ "BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN", dưới hình Quốc huy có dòng chữ "CHỨNG CHỈ THUYỀN VIÊN TÀU CÁ" in chữ màu vàng.

3. Mặt sau có hình nền trống đồng in chìm. Các thông tin theo mẫu trên, trình bày theo phông chữ: Times New Roman. Bên trái có dán ảnh (3x4) của người được cấp chứng chỉ và có đóng dấu giáp lai nổi của cơ sở đào tạo.

4. Chữ "HIỆU TRƯỞNG (hoặc "GIÁM ĐỐC"): Chữ in hoa, màu đen, đậm. Các chữ còn lại in thường, màu đen.

5. Chứng chỉ máy trưởng, thợ máy tàu cá tương tự như chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá nhưng thay chữ "THUYỀN TRƯỞNG" bằng chữ "MÁY TRƯỞNG" hoặc "THỢ MÁY".

6. Các cơ sở đào tạo trình bày kích cỡ chữ và in chứng chỉ phù hợp kích thước của chứng chỉ quy định.

PHỤ LỤC 03

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ CẤP CHỨNG CHỈ THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 713/QĐ-CĐNN, ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa)

UBND TỈNH THANH HÓA **TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-CĐNN	*Thanh Hóa, ngày tháng năm 20*

BÁO CÁO

Kết quả đào tạo, bồi dưỡng và cấp văn bằng chứng chỉ thuyền viên tàu cá

Kính gửi: .....

Thực hiện Điều 4 Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ thuyền viên tàu cá từ ngày … tháng ... năm ... đến ngày … tháng ... năm ... như sau:

1. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá trong kỳ báo cáo:

TT	Tỉnh	Thuyền trưởng			Máy trưởng			Thợ máy	Cộng
		Hạng III	Hạng II	Hạng I	Hạng III	Hạng II	Hạng I		
1	Tỉnh...								
	Số lớp								
	Số người								
2	Tỉnh...								
	Số lớp								
	Số người								
3	…….								
	Cộng số lớp								
	Cộng số người								

2. Đề xuất, kiến nghị:

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như trên;
- …..;
- Lưu: ...

PHỤ LỤC 04
MẪU ĐƠN XIN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 713 /QĐ-CĐNN, ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng .... năm .....

ĐƠN XIN HỌC

Lớp ..... *(1)*

Kính gửi: Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa.

Tên tôi là: .....
Ngày, tháng, năm sinh: .....; Giới tính: .....
Số CCCD/CMND: .....; Ngày cấp: .....
Nơi sinh: .....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....
Địa chỉ báo tin: .....
.....
Trình độ văn hóa (ghi rõ học lớp/hệ giáo dục phổ thông): .....

Sau khi nghiên cứu Quy chế đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tàu cá của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và của trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa; nội quy học tập của Nhà trường. Tôi thấy bản thân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn để tham dự lớp đào tạo, bồi dưỡng.

Tôi tự nguyện làm đơn này và mong được nhà trường chấp thuận cho phép tôi được dự lớp đào tạo, bồi dưỡng để được thi và cấp chứng chỉ ....*(2)*. Nếu được dự học tôi xin chấp hành nghiêm túc mọi quy định của Nhà nước và Nhà trường.

Tôi gửi kèm theo đơn này hồ sơ xin học, gồm:

1. Đơn xin học;

2. Giấy chứng nhận sức khỏe đáp ứng các tiêu chuẩn quy định đối với thuyền viên tàu cá do cơ quan y tế cấp.

3. Căn cước công dân hoặc chứng minh thư nhân dân (bản phô tô).

4. Sơ yếu lý lịch.

5. Bản sao có công chứng văn bằng, chứng chỉ văn hóa, chuyên môn (nếu có), gồm:
.....
..... *(3)*

6. 02 ảnh màu cỡ 3x4 cm chụp theo kiểu CCCD/CMTND.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ghi rõ họ, tên và ký)

Ghi chú:
(1) Ghi tên lớp đào tạo, bồi dưỡng.
(2) Ghi tên loại chứng chỉ tàu cá.
(3) Ghi các bản sao văn bằng nộp kèm theo.

PHỤ LỤC 05

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 713 /QĐ-CĐNN, ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh 4x6

(dán ảnh, đóng dấu giáp lai)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

PHẦN I: LỊCH SỬ BẢN THÂN

1. Họ và tên: .....

2. Ngày, tháng, năm sinh: ..... giới tính: .....

3. Số CMND/Số căn cước công dân: ..... Ngày cấp: .....

Nơi cấp: .....

4. Quê quán: .....

5. Nơi sinh: .....

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

.....

7. Dân tộc: ..... Tôn giáo: .....

8. Trình độ văn hóa (ghi rõ học lớp/hệ giáo dục phổ thông): .....

9. Trình độ chuyên môn (đã tốt nghiệp ngành, nghề gì, trình độ): .....

.....

10. Ngày vào Đoàn TNCSHCM: ....., Tại: .....

11. Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: ....., Tại: .....

12. Quá trình công tác bản thân *(tóm tắt từ lúc 15 tuổi đến nay, làm gì? Ở đâu?):*

.....

.....

.....

.....

.....

PHẦN II: QUAN HỆ GIA ĐÌNH

1. Họ và tên cha: .....; Năm sinh: .....

- Nghề nghiệp: .....

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

.....

2. Họ và tên mẹ: .....; Năm sinh: .....

- Nghề nghiệp: .....
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

.....

3. Họ và tên (vợ hoặc chồng): .....; Năm sinh: .....
- Nghề nghiệp: .....
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

.....

4. Họ và tên các con? Tuổi (năm sinh)? Chỗ ở hiện nay?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật. Nếu có gì sai trái tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

.....Ngày .....tháng.....năm .....

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN VÀ CHỨNG NHẬN CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG (HOẶC CƠ QUAN NƠI CÔNG TÁC)

Nội dung chứng nhận cần ghi bản lý lịch này đúng hay sai. Nếu sai thì ghi rõ sai ở chỗ nào. Có thể nhận xét thêm về tư cách và hoàn cảnh của người khai sơ yếu lý lịch.

.....

.....

.....

.....Ngày ..... tháng.....năm .....

UBND xã (phường) hoặc cơ quan

(Ký tên và đóng dấu)